

Pháp Sư Huyền Tráng dịch Hán văn
Thích Pháp Chánh dịch Việt văn

Giới Bốn Bồ Tát Du Già



Tường Quang Tự
Phật lịch 2547, TL 2003
Hiệu đính 2014

Giới Bổn

Bồ Tát Du Già

Bồ tát Di Lạc giảng
Bồ tát Vô Trước ghi lại bằng Phạn văn
Pháp Sư Huyền Tráng dịch Hán văn
Thích Pháp Chánh dịch Việt văn

Các vị Bồ tát! sau khi đã thọ lãnh giới pháp thanh tịnh của Bồ tát, phải nên tự mình thường thường chuyên tâm cẩn thận suy ngẫm: "Đây là chỗ Bồ tát nên làm, đây là chỗ Bồ tát không nên làm". Suy ngẫm như vậy rồi, vì muốn thành tựu công hạnh Bồ tát, cần phải siêng năng tu tập, lại phải chú ý lắng nghe tạng Tố đất lăm, và tạng Ma đất lý ca của Bồ tát. Tùy theo điều đã nghe được mà siêng cần tu học.

Các vị Bồ tát! Thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, có bốn pháp tha thắng xứ. Bốn pháp đó là gì?

1) Giới khen mình chê người:

Nếu như Bồ tát, vì tham cầu lợi dưỡng cung kính, bèn tự khen ngợi mình, chê bai hủy nhục kẻ khác, đây gọi là phạm vào pháp tha thắng xứ thứ nhất.

2) Giới bỏn sẻn của cải, Phật pháp:

Nếu Bồ tát, hiện đang có tiền của, song vì bỏn sẻn, thấy kẻ nghèo khổ, không nơi nương tựa, đến xin tài vật, không sinh lòng thương xót bố thí; lại có người đến cầu pháp, do tính bỏn sẻn, tuy hiểu rõ Phật pháp,

song không chịu giảng nói; đây gọi là phạm vào pháp tha thắng xứ thứ hai.

3) Giới sân hận không nhận sự tạ lỗi:

Nếu Bồ tát, nuôi dưỡng trong lòng những sự phẫn hận, do nhân duyên này, không những nói ra lời ác, lại còn vì sự giận dữ, bèn dùng tay, chân, ngói, gạch, dao, gậy, đánh đập làm tổn thương, khổ não cho kẻ khác. Do vì sự giận dữ mãnh liệt cho nên đã xâm phạm đối phương. Đối phương đến van lơn, cầu xin tha thứ, lại không chấp nhận, ôm hận trong lòng không chịu buông xả; đây gọi là phạm vào giới tha thắng xứ thứ ba.

4) Giới báng loạn chánh pháp:

Nếu Bồ tát, phỉ báng pháp tạng của Bồ tát, ham thích diễn nói, khai thị, kiến lập pháp tương tự với Chánh pháp; đối với pháp tương tự này, hoặc tự mình tin hiểu, hoặc bị người khác xúi dục; đây gọi là phạm vào pháp tha thắng xứ thứ tư.

Như trên gọi là bốn pháp tha thắng xứ của Bồ tát. Bồ tát đối với bốn pháp tha thắng xứ này, dù chỉ phạm một pháp, thì trong pháp tu hiện đời, không thể tăng trưởng, không thể nhiếp thọ tư lương rộng lớn của Bồ tát; trong pháp tu hiện đời, không thể có niềm vui cùng ý thích thanh tịnh, huống hồ là phạm cả bốn pháp. Đây gọi là Bồ tát tương tự, chứ không phải Bồ tát chân thực.

Nếu Bồ tát, dùng tâm phiền não bậc hạ hoặc bậc trung mà hủy phạm bốn pháp tha thắng xứ này, thì không bị mất giới thể luật nghi của Bồ tát, còn nếu dùng tâm phiền não bậc thượng mà phạm giới, thì gọi là bị mất giới thể.

Nếu như Bồ tát thường thường hủy phạm bốn pháp tha thắng xứ, hoàn toàn không biết hổ thẹn, lại còn cảm thấy ham thích, thấy sự phạm giới là có công đức, thì đây gọi là phạm giới với tâm phiền não bậc thượng.

Không phải Bồ tát chỉ phạm một lần pháp tha thắng xứ liền bị mất giới thể, giống như tỳ kheo phạm

giới tha thẳng xứ liền bị mất giới thể
tỳ kheo.

Nếu như Bồ tát vì phạm giới
trọng, bị mất giới thể Bồ tát, trong
đời hiện tại có thể thọ lại, không
phải là mất hẳn. Điều này khác với
giới biệt giải thoát của Tỳ kheo, nếu
phạm vào giới tha thẳng xứ, trong
hiện đời không thể thọ lại giới pháp
tỳ kheo.

Như thế, Bồ tát thọ trì giới pháp
luật nghi của Bồ tát, phải nên hiểu
rõ những trường hợp nào là phạm,
không phạm, tâm lúc phạm giới là
nhiễm ô, không nhiễm ô, sự phạm
giới thuộc về bậc hạ, bậc trung, hoặc
bậc thượng.

1) Giới không cúng dường Tam bảo:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, trong mỗi ngày, hoặc đối với đức Như Lai, hoặc đối với tháp miếu, hoặc đối với Chính pháp, hoặc đối với kinh luận, hoặc đối với chúng Tăng, nghĩa là các vị Bồ tát đang địa ở mười phương, nếu như không dùng phẩm vật, dù ít dù nhiều, để cúng dường, hoặc tối thiểu cung kính lạy một lạy, hoặc dùng một bài kệ bốn câu để tán thán công đức chân thật của Phật Pháp Tăng, mà để luống uổng ngày tháng, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu như vì lười biếng, nhút nhát mà không cúng dường, thì gọi là phạm do tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc thần kinh thác loạn; hoặc đã chứng nhập thanh tịnh ý nhạo, thường không vi phạm, vì các vị Bồ tát chứng nhập thanh tịnh ý nhạo cũng giống như các tỳ kheo đã chứng được bốn lòng tin không hoại, đối với Tam bảo Phật Pháp Tăng, thường thường như pháp cúng dường, cung kính thừa sự.

2) Giới tham cầu danh lợi:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, có lòng tham cầu không biết hạn chế, đối với lợi dưỡng cung kính sinh lòng tham đắm không xả, đây gọi là phạm vào

học xứ của Bồ tát, phạm do tâm
nhiễm ô.

Những trường hợp không
phạm, như: tuy đã nỗ lực tinh tiến
trừ diệt tâm tham, song vì tập khí
sâu nặng, vô minh che lấp, nên tâm
tham vẫn tiếp tục hiện hành.

3) Giới không cung kính bạn Pháp:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi
thanh tịnh của Bồ tát, thấy các vị
đồng giới Bồ tát, có đức hạnh, khả
kính đến, nhưng vì tâm kiêu mạn
khống chế, trong lòng hiềm hận,
giận dữ, bực dọc, không đứng dậy
chào hỏi, không nhường chỗ ngồi;
hoặc nếu họ tới đàm luận, an ủi, hỏi
han, nhưng vì tâm kiêu mạn khống
chế, trong lòng hiềm hận, không

chịu trả lời một các lễ độ, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô. Nếu như không phải do tâm kiêu mạn khổng chế, không có tâm hiềm hận, giận dữ, bực dọc, mà chỉ do lười biếng, lơ đãng, hoặc đang ở trong trạng thái vô ký, thì gọi là phạm do tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc đang bệnh nặng; hoặc thần kinh thác loạn; hoặc đang ngủ mà đối phương mà đối phương tưởng là đang thức, cho nên đến đàm luận, an ủi, hỏi han; hoặc đang vì kẻ khác mà giảng nói, biện biệt nghĩa lý của pháp luận; hoặc đang cùng với người khác đàm luận, hỏi han; hoặc đang lắng nghe người

khác thảo luận, biện biệt nghĩa lý của pháp luận; hoặc sợ sự trả lời của mình sẽ xúc phạm kẻ đang giảng nói Chính pháp; hoặc muốn giữ ý cho người thuyết pháp; hoặc muốn dùng phương tiện này điều phục đối phương, làm cho họ xa lìa nẻo ác quay về nẻo lành; hoặc tuân theo lời huấn dụ của chúng Tăng; hoặc muốn giữ ý cho đám đông. Trong những trường hợp này đều không phạm.

4) Không đi úng cúng:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, có người đến mời thỉnh, hoặc đến nhà họ, hoặc đến chùa khác, để cúng dường thức ăn, quần áo, cùng những vật dụng cần thiết, song vì tâm kiêu mạn

khống chế, trong lòng hiềm hận, giận dữ, bực dọc, nên không đi ứng cúng, không nhận lời mời; đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu vì lười biếng, nhút nhát, lơ đãng, hoặc đang ở trong trạng thái vô ký mà không đi ứng cúng, không nhận lời mời, thì gọi là phạm do tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc đang có bệnh; hoặc không sức lực; hoặc thần kinh thác loạn; hoặc chỗ thỉnh ở quá xa; hoặc đường có nhiều hiểm nạn; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, làm cho họ xa lìa nẻo ác, quay về nẻo lành; hoặc trước đó đã nhận lời mời ở nơi khác; hoặc đang tu tập các pháp thiện, muốn

giữ cho công phu tu tập không bị gián đoạn; hoặc không muốn những pháp đã nghe bị thoái sụt --- các trường hợp luận nghị, biện biệt nghĩa lý của pháp, cũng giống như trường hợp nghe pháp; hoặc biết đối phương ôm lòng mưu hại, giả vờ đến mời thỉnh; hoặc không muốn làm nhiều người khác tị hiềm; hoặc tuân theo lời huấn dụ của chúng Tăng, không đến nơi thỉnh, không nhận lời mời, thấy đều không phạm.

5) Giới không thọ nhận sự bố thí hậu hi:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, có người ân cần cung kính đem đến các loại vàng bạc, tiền tài, các món vật quý đến cúng dường, song Bồ tát vì tâm hiềm hận, giận dữ, bực dọc, cự tuyệt

không chịu thọ nhận, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô, bởi vì đã xả bỏ chúng sinh; nếu vì lòng biếng, nhút nhát, đãng trí, hoặc đang ở trong trạng thái vô ký mà cự tuyệt không thọ nhận, thì gọi là phạm do tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc biết sau khi thọ nhận, mình sẽ sinh tâm tham luyến; hoặc biết sau đó thí chủ sẽ sinh tâm hối tiếc, hoặc sau đó thí chủ sẽ phát cuồng; hoặc biết nếu nhận vật bố thí, thí chủ sẽ trở nên nghèo khổ; hoặc biết vật bố thí là vật của Tăng, hoặc vật của tháp miếu; hoặc biết vật bố thí là vật trộm cắp; hoặc biết vật bố thí sẽ đem lại nhiều sự phiền

hà cho mình, như bị giết, bị giam, bị phạt, bị trục xuất, hoặc bị người khác hiềm nghi, quở trách. Trong những trường hợp này cự tuyệt không thọ nhận, đều không vi phạm.

6) Giới không bố thí pháp:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, có người đến cầu pháp, song vì tâm hiềm hận, giận dữ, bực dọc, ganh tị, không chịu nói pháp, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu vì lười biếng, nhút nhát, lơ đãng, hoặc tâm đang ở trong trạng thái vô ký mà không chịu nói pháp, thì gọi là phạm do tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc ngoại đạo đến tìm khuyết điểm; hoặc đang bệnh nặng; hoặc thần kinh thác loạn; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, làm cho họ xa lìa nẻo ác, quay về nẻo lành; hoặc đối với pháp học chưa được thấu suốt; hoặc đối phương có thái độ không cung kính, không biết hổ thẹn, đến với thái độ ngang ngược xác láo; hoặc biết đối phương là người ám độn, đối với Phật pháp rộng lớn cứu cánh, hoặc sinh lòng sợ hãi, hoặc sinh khởi tà kiến, hoặc tăng trưởng tà kiến, chấp trước; hoặc biết sau khi nghe pháp xong, sẽ đem nói lại cho kẻ ác, do đây không nói pháp. Những trường hợp này đều không phạm.

7) Giới xả bỏ người ác:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, đối với chúng sanh hung ác, phạm giới, sinh lòng hiềm hận, giận dữ, bực dọc, bèn bỏ rơi, không chịu làm lợi ích cho họ, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu vì lười biếng, nhút nhát mà bỏ rơi, thì gọi là phạm do tâm không nhiễm ô. Vì sao? Vì các Bồ tát khởi lòng thương xót muốn làm lợi ích cho những chúng sanh bạo ác, phạm giới, gây tạo nhân khổ, hơn là những chúng sanh trì giới, ba nghiệp thanh tịnh.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc thần kinh thác

loạn; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, giống như phần trên đã nói qua; hoặc muốn giữ ý cho nhiều người khác; hoặc tuân theo lời huấn dụ của chúng Tăng, mà bỏ rơi, không làm lợi ích. Trong những trường hợp này đều không phạm.

8) Giới cùng học với Thanh văn:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, như đức Thế Tôn vì muốn làm cho các chúng sanh chưa có lòng tin đối với Phật pháp sinh khởi lòng tin, đã có lòng tin làm cho tăng trưởng, cho nên trong giới Biệt giải thoát chế định giá tội, khiến cho các Thanh văn không được vi phạm, đối với những điều giới này, Bồ tát phải nên cùng

học với Thanh văn, hoàn toàn không khác biệt. Vì sao? Như các Thanh văn chỉ vì tự lợi còn không phể bỏ những hạnh lợi ích khác, mà học các điều giới này, làm cho chúng sanh chưa có lòng tin sanh khởi lòng tin, đã có lòng tin làm cho tăng trưởng, huống chi Bồ tát là những kẻ mong cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh.

9) Giới không cùng học với Thanh văn:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, như đức Như Lai trong giới Biệt giải thoát, vì muốn hàng Thanh văn an trụ trong hoàn cảnh ít việc, ít làm, ít hy vọng, cho nên chế định các giá giới, khiến cho các Thanh văn không được vi phạm; đối với các điều giới này, Bồ tát không nên cùng học với Thanh

văn. Vì sao? Vì hàng Thanh văn chuyên lo tự lợi, không nghĩ đến việc lợi người. Vì không lợi người cho nên các pháp ít việc, ít làm, ít hy vọng có thể gọi là thích hợp với họ, thế nhưng, đối với Bồ tát là những kẻ chuyên làm lợi người, không nghĩ đến việc lợi mình, thì các pháp ít việc, ít làm, ít hy vọng này không thích hợp với họ.

Như vậy, Bồ tát vì muốn lợi người, có thể từ các trưởng giả, cư sĩ, bà la môn không phải bà con mình, hỏi xin trăm ngàn loại quần áo; Bồ tát nên quán xét người cho xem họ có đủ khả năng bố thí hay không, tùy sức của họ bố thí mà thọ nhận; trường hợp hỏi xin bình bát cũng giống như trường hợp xin

quần áo. Tương tự như thế, Bồ tát có thể cầu xin chỉ dệt, nhờ thợ dệt không phải bà con mình dệt thành vải vóc để may quần áo; vì muốn lợi ích người khác nên may các loại y "kiều thế gia", hoặc làm tọa cụ, nhiều đến hàng trăm, hoặc giả, cất chứa vàng bạc, tiền mặt, nhiều đến vạn ức, hoặc nhiều hơn thế. Như vậy, các pháp giá tội chế định ít việc, ít làm, ít hy vọng, Bồ tát sẽ không cùng học với Thanh văn.

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, trong việc lợi người, ôm lòng hiềm hận, giận dữ, bực dọc mà tuân thủ các pháp ít việc, ít làm, ít hy vọng này, thì gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô.

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, dùng phương tiện thiện xảo, vì muốn lợi người, nhớ phạm vào các tính tội, do nhân duyên lợi người này nên không gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, mà lại được nhiều công đức.

Chẳng hạn, như Bồ tát thấy kẻ trộm cướp, vì tham tiền của, đang muốn giết hại nhiều người, hoặc đang muốn giết hại các bậc Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, hoặc đang muốn tạo nhiều nghiệp vô gián. Bồ tát thấy điều đó rồi, bèn suy ngẫm như thế này: "Nếu giết kẻ ác đó, ta sẽ bị đọa vào địa ngục, nếu như không giết, để kẻ ác đó tạo nghiệp vô gián, sẽ chịu khổ lớn trong đời vị

lai. Ta thà giết kẻ ác đó mà bị đọa vào địa ngục, quyết không để họ nhận chịu những quả báo khổ ở địa ngục vô gián." Bồ tát suy nghĩ cặn kẽ, đối với kẻ ác, hoặc dùng tâm lạnh, biết rõ sự việc như thế, vì quả báo ở đời vị lai, sinh lòng rất hổ thẹn, dùng tâm thương xót mà sát hại kẻ ác. Do nhân duyên này, không những không phạm vào học xứ của Bồ tát, mà còn được nhiều công đức.

Lại như Bồ tát, thấy những bậc quyền thế, hoặc vua, hoặc quan, cực kỳ tàn ác, đối với nhân dân không có lòng thương xót, mà lại chuyên làm những việc áp bức, làm cho mọi người khổ não, ta thán. Bồ tát thấy điều đó rồi, khởi lòng thương xót, phát tâm làm lợi ích cho mọi người,

bèn tùy quyền lực sẵn có của mình, hoặc truất phế, hoặc trục xuất những kẻ quyền thế kia. Do nhân duyên này, không những không phạm vào học xứ của Bồ tát, mà còn được nhiều công đức.

Lại như Bồ tát, thấy những kẻ trộm cướp, xâm đoạt tài sản của kẻ khác, hoặc vật của chúng Tăng, hoặc vật của tháp miếu, sau đó đem tài sản đã cướp giật được, xem như của mình, mặc tình tiêu xài hoang phí. Bồ tát thấy điều đó rồi, khởi lòng thương xót, đối với những kẻ ấy, phát tâm làm lợi ích an lạc cho họ, do đây, tùy vào sức lực, hoặc thế lực đang có, cưỡng đoạt lại những đồ vật đã bị cướp giật, không để cho họ xử dụng một cách hoang phí, mà

phải chịu những sự trừng phạt, khổ đau trong một thời gian lâu dài. Do nhân duyên này, những đồ vật đã bị cưỡng đoạt, nếu là đồ vật của chúng Tăng, hoàn trả cho chúng Tăng, đồ vật của tháp miếu, hoàn trả cho tháp miếu, đồ vật của chúng sanh, hoàn trả cho chúng sanh.

Lại thấy những vị chấp sự, hoặc quản lý ruộng vườn, lấy đồ vật của chúng Tăng, hoặc đồ vật của tháp miếu, cho là của mình, mặc sức tiêu dùng. Bồ tát thấy điều đó rồi, suy ngẫm về việc ác của họ, khởi lòng thương xót, không để cho họ nhân vì sự thọ dụng tà vạy này mà phải nhận chịu những sự trừng phạt khổ đau một cách vô ích trong thời gian lâu dài, do đây Bồ tát tùy sức lực,

hoặc thế lực của mình, đoạt lại những đồ vật ấy. Bồ tát tuy làm những việc cưỡng đoạt như thế, không những không phạm vào học xứ của Bồ tát, mà còn được nhiều công đức.

Lại như **Bồ tát tại gia**, thấy có người nữ, không có thân thuộc, quen thói dâm dục, để tâm đến Bồ tát, muốn làm việc phi phạm hạnh. Bồ tát thấy được điều đó rồi, suy ngẫm như sau: "Không nên để cho họ sầu não mà làm những chuyện quàng xiêng, nếu như chịu theo ý muốn của họ, sẽ được tự tại, dùng phương tiện hướng dẫn, làm cho họ trồng căn lành, lại làm cho họ xả bỏ thói quen bất thiện." Bồ tát dùng tâm thương xót mà làm việc phi

phạm hạnh. Tuy làm những pháp "nhiêm ô" như vậy, không những không phạm vào học xứ của Bồ tát, mà còn được nhiều công đức. Còn Bồ tát xuất gia, vì muốn hộ trì giáo pháp Thanh văn mà đức Thế Tôn đã chế định, làm cho chánh pháp không bị hoại diệt, tuyệt đối không được làm việc "phi phạm hạnh".

Lại như Bồ tát, đối với bản thân mình, tuy bị nguy hiểm tính mạng cũng không nói dối, thế nhưng, vì muốn cứu vớt những chúng sanh khác ra khỏi những sự nguy hiểm tính mạng, hoặc thoát khỏi tù đày, hoặc thoát khỏi các hình phạt như cắt tay chân, xẻo mũi, xẻo tai, móc mắt, vân vân, tuy biết nhưng vẫn nói dối. Nói tóm lại, Bồ tát vì muốn lợi

ích chúng sanh, không phải việc không lợi ích, tự mình không có tâm nhiễm ô, mong cầu, mà chỉ vì muốn lợi ích kẻ khác, tuy biết song vẫn nói khác sự thật, như thế, vẫn không phạm vào học xứ của Bồ tát, mà còn được nhiều công đức.

Lại như Bồ tát, thấy có chúng sanh bị bạn bè ác dụ dỗ, khấn khít không rời. Bồ tát thấy được việc đó rồi, sinh lòng thương xót, phát tâm muốn làm lợi ích, tùy khả năng, hoặc thế lực của mình, nói lời ly gián, không để cho chúng sanh đó, vì gần bạn ác mà phải chịu sự khổ đau vô ích trong thời gian lâu dài. Bồ tát dùng tâm lợi ích như vậy, tuy nói lời ly gián, chia rẽ sự thân ái của kẻ khác, song vẫn không phạm vào

học xứ của Bồ tát, mà còn được nhiều công đức.

Lại như Bồ tát, thấy có chúng sanh làm những điều ngang ngược, trái với pháp thế gian, bèn lớn tiếng quở trách, nói lời thô bạo, dùng phương tiện này làm cho họ rời bỏ việc ác, quay về nẻo lành. Bồ tát dùng tâm lợi ích như thế, tuy đối với chúng sanh nói lời thô ác, song không phạm vào học xứ của Bồ tát, mà còn được nhiều công đức.

Lại như Bồ tát, thấy các chúng sanh ưa thích những việc diễn xướng, ngâm vịnh, ca hát, hoặc thích đàm luận những chuyện thời sự chính trị, ăn uống, du hí, mách lẻo, vân vân. Bồ tát đối với những việc

như vậy phải nên rất khéo léo, đối với chúng sanh như vậy nên khởi lòng thương xót, muốn làm lợi ích cho họ, bèn tùy thuận hiện tướng ưa thích những việc diễn xướng, ngâm vịnh, ca hát, hoặc đàm luận những chuyện thời sự chính trị, ăn uống, du hí, mách lẻo, vân vân, dùng phương tiện này để nhiếp phục, dẫn dắt họ ra khỏi sự ưa thích những chuyện thị phi vô ích này, quay về đường lành. Bồ tát tuy hiện tướng ỷ ngữ như vậy, song không phạm vào học xứ của Bồ tát, mà còn được nhiều công đức.

10) Giới sống bằng tà mạng:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, sinh lòng quý quyết, gian trá, đàm luận những

chuyện nửa hư nửa thực, dùng phương tiện này để mưu cầu lợi dưỡng, sống bằng pháp tà mạng, không biết hổ thẹn, không chịu buông xả, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: đang muốn trừ diệt thói quen sống bằng tà mạng, tuy nỗ lực tinh tiến đoạn trừ, song vì phiền não quá mạnh, thói quen sống tà mệnh tiếp tục hiện hành.

11) Giới háo động hay đùa cợt:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới pháp thanh tịnh của Bồ tát, tính tình háo động, tâm không tịch tĩnh, nói cười lớn tiếng, ba hoa huyên náo, cử chỉ đùa cợt, mong cho người khác vui

vẻ phụ họa, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô. Nếu vì lơ đãng trí mà háo động đùa cợt, thì gọi là phạm do tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc tuy muốn đoạn trừ thói quen náo động, song vẫn chưa đoạn trừ được, như phần trên đã nói qua; hoặc muốn dùng phương tiện này để giải trừ tâm hiểm hận của kẻ khác; hoặc muốn đối phương khuây khoả sự phiền muộn; hoặc đối phương tính tình háo động, muốn dùng phương tiện nhiếp phục, bảo hộ mà hiện tướng háo động như họ; hoặc đối phương khởi tâm ngờ vực Bồ tát hiểm hận, hoặc âm mưu chống đối họ, Bồ tát bèn

hiện tướng đũa cọt, biểu hiện tâm thái vô tư thanh tịnh của mình. Trong những trường hợp này đều không phạm.

12) Giới nói pháp Bồ tát lộn lạo:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới pháp thanh tịnh của Bồ tát, sinh khởi kiến chấp, hoặc lập luận như sau: "Bồ tát không nên tham cầu Niết bàn, đối với Niết bàn nên sinh tâm nhàm lìa; đối với phiền não và tùy phiền não, không nên sợ hãi mà cầu đoạn trừ, không nên nhất quyết sinh tâm nhàm lìa, bởi vì hàng Bồ tát phải lặn lộn trong sinh tử ba vô số kiếp để cầu Vô thượng Bồ đề", đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô. Vì sao? Như hàng Thanh văn khởi tâm tham cầu

chúng đắ Niết bàn, nhằm là phiền não và tùy phiền não, thì hàng Bồ tát khởi tâm tham cầu chúng đắ Niết bàn, nhằm là phiền não và tùy phiền não, so với hàng Thanh văn còn nhiều gấp trăm ngàn vạn ức lần. Bởi vì Thanh văn chỉ lo tự độ, tinh tiến tu hành chúng đắ Niết bàn, còn Bồ tát thì vì tất cả chúng sanh, tinh tiến tu hành chúng đắ Niết bàn, vì thế Bồ tát phải nên siêng năng tu tập tâm không ô nhiễm, tuy thành tựu những sự nghiệp hữu lậu, mà việc tu tập pháp tâm không ô nhiễm vẫn vượt hẳn Thanh văn.

13) Giới không đề phòng, biện bạch sự hủy báng:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, có người đối với Bồ tát khởi lòng bất tín, chẳng

hạn như bêu rêu, nhục mạ, đàm tiếu, mà Bồ tát không chịu biện bạch phân minh, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; còn nếu như sự việc không thật mà không chịu biện bạch phân minh, thì gọi là phạm do tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc bị ngoại đạo phỉ báng; hoặc bị những kẻ đố kỵ ghen ghét phỉ báng; hoặc xuất gia, nhân đi khất thực, hoặc tu pháp lành mà bị hủy báng; hoặc bị kẻ đang giận dữ, hoặc tâm đang điên đảo hủy báng. Trong những trường hợp này không biện bạch phân minh đều không vi phạm.

14) Giới không điều phục chúng sanh:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, thấy có chúng sanh cần phải dùng những sự quở trách, trừng phạt nghiêm khắc mới có thể làm cho họ lợi ích, song vì sợ họ sầu não cho nên không quở trách, trừng phạt, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm không nhiếp ô.

Những trường hợp không phạm, như: biết sự quở trách, trừng phạt không làm lợi ích cho đối phương, mà lại còn làm cho họ sinh nhiều sầu não.

15) Giới trả đũa sự sân hận, đánh đập:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, bị kẻ khác mắng chửi liền mắng chửi lại, bị kẻ khác giận dữ liền giận dữ lại, bị kẻ khác đánh đập liền đánh đập lại, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô.

16) Giới không chịu tạ lỗi:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, xâm phạm kẻ khác, hoặc tuy không xâm phạm, song đối phương hiểu lầm là xâm phạm, Bồ tát vì tâm hiềm hận, ghen ghét, hoặc kiêu mạn, không chịu tạ lỗi đúng phép, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu vì lười biếng, nhút nhát, buông lung mà không tạ lỗi,

thì gọi là phạm do tâm không nhiệm
ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, làm cho họ xa lìa nẻo ác, quay về nẻo lành; hoặc biết đối phương là kẻ ngoại đạo, tà ác; hoặc đối phương muốn Bồ tát làm chuyện phi pháp rồi mới nhận sự tạ lỗi; hoặc biết đối phương là kẻ thích gây sự, sự tạ lỗi chỉ càng làm cho họ thêm phần nộ; hoặc biết đối phương là người ôn hòa, tâm không chấp nhất; hoặc biết sự tạ lỗi chỉ làm cho đối phương thêm hổ thẹn. Trong những trường hợp này, không tạ lỗi không phạm.

17) Giới không thọ nhận sự tạ lỗi

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, có người đến xâm phạm, song họ đã tạ lỗi đúng phép, thế nhưng Bồ tát ôm lòng hiềm hận, muốn làm cho đối phương sầu não, bèn không chịu thọ nhận sự tạ lỗi của họ, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; hoặc tuy Bồ tát không có tâm hiềm hận, không muốn làm cho đối phương sầu não, song vì tâm tính hẹp hòi, không biết tha thứ, cho nên không thọ nhận sự tạ lỗi, đây cũng gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối

phương, như phần trên đã nói qua; hoặc đối phương tạ lỗi không bình đẳng, không đúng phép, do đó không nhận thọ sự tạ lỗi. Trong những trường hợp này đều không phạm.

18) Ôm lòng oán hận không xả bỏ:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, ôm lòng oán hận kẻ khác, không chịu buông xả, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: tuy cố gắng tìm đủ mọi cách đoạn trừ, song phiền não vẫn hiện hành, như phần trên đã nói qua.

19) Giới vì tâm tham mà nuôi dưỡng đê tử:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, vì tham muốn sự cúng dường, phụng sự mà thâm nhận, nuôi dưỡng đê tử, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: không do tham cầu sự cúng dường, phụng sự mà thâm nhận, nuôi dưỡng đê tử.

20) Giới ham mê ngủ nghỉ:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, lười biếng, nhút nhát, ham ưa ngủ nghỉ, ưa nằm, ưa dựa, không có giờ giấc, không biết hạn lượng, đây gọi là

phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc đang bệnh nặng; hoặc không sức lực; hoặc đi đường xa về mệt mỏi; hoặc đang cố gắng đoạn trừ thói quen ngủ nghỉ song vẫn chưa đoạn trừ được, như phần trên đã nói qua.

21) Giới ưa đàm luận vô ích lãng phí ngày giờ:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, ham thích bàn chuyện thế sự, lãng phí ngày giờ, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu vì lơ đãng mà lãng phí ngày giờ, thì gọi là phạm do tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc thấy người khác bàn luận thế sự, vì muốn chịu ý của họ, tạm thời lắng nghe trong chánh niệm; hoặc câu chuyện ly kỳ ít có mà tạm thời hỏi chuyện, hoặc trả lời những thắc mắc của đối phương. Trong những trường hợp này đều không phạm.

22) Giới không cầu sự chỉ giáo:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, muốn làm cho tâm an trụ, muốn được định tâm, song vì hiềm hận, kiêu mạn, mà không chịu đến nơi các vị thầy để thỉnh cầu sự chỉ giáo, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu vì lười biếng nhút nhát mà không chịu thỉnh cầu,

thì gọi là phạm do tâm không nhiệm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc đang có bệnh; hoặc không sức lực; hoặc biết vị thầy đó chỉ dạy những việc điên đảo; hoặc tự mình học rộng, có đủ trí tuệ, có thể làm định; hoặc trước đó đã học qua phương pháp tu tập. Trong những trường hợp này, không thỉnh cầu sự chỉ giáo không phạm.

23) Giới không đoạn trừ ngũ cái:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, khởi tâm tham dục, mà không chịu tìm cách đoạn trừ, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiệm ô.

Những trường hợp không phạm, như: đang cố gắng đoạn trừ phiền não tham dục, tuy siêng năng tìm mọi phương cách đối trị, song phiền não vẫn tiếp tục hiện hành.

Tương tự, trường hợp các phiền não khác như giận dữ, hôn trầm, trạo cử, hoặc nghi ngờ, đều giống như trường hợp tham dục.

24) Giới tham đắm thiền định thế gian:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, tham đắm pháp thiền định thế gian, cho là có công đức, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: đang cố gắng đoạn trừ

sự tham đắm thiên định thế gian, song vẫn chưa đoạn trừ được, như phần trên đã nói qua.

25) Giới không học pháp Tiểu thừa:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, phát khởi kiến giải, hoặc lập luận như sau: "Bồ tát không nên nghe giáo pháp Thanh văn, không nên thọ trì, không nên tu học. Bồ tát cần gì phải nghe, phải thọ trì, phải siêng năng tu học giáo pháp của Thanh văn", đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô. Vì sao? Bồ tát đối với sách vở ngoại đạo còn phải học hỏi nghiên cứu, hướng chỉ là những lời Phật dạy.

Những trường hợp không phạm, như: vì muốn những kẻ chuyên tâm nhất ý học giáo pháp Tiểu thừa xả bỏ sự ham thích đó mà nói lời như vậy.

26) Giới bỏ Đại thừa học Tiểu thừa:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, đối với giáo pháp của Bồ tát chưa kịp nghiên cứu tường tận, mà lại bỏ phế, quay sang chuyên tâm nhất ý tu học giáo pháp của Tiểu thừa, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm không nhiếp ô.

27) Giới bỏ Phật pháp học pháp ngoại đạo:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, tuy có sẵn

kinh sách Phật giáo, đối với Phật pháp chưa kịp nghiên cứu tường tận, lại quay sang siêng năng nghiên cứu sách vở thế gian cùng kinh điển của ngoại đạo, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc có thể học tập Phật pháp nhanh chóng; hoặc đã học Phật pháp dài lâu, hiện vẫn chưa quên; hoặc đối với Phật pháp có thể suy ngẫm và thông đạt nghĩa lý; hoặc đối với Phật pháp đã quán sát thực nghĩa, thành tựu nhãn lực, không còn bị lập luận của ngoại đạo lay chuyển; hoặc trong mỗi ngày, dành hai phần thời gian tu học Phật pháp, một phần thời gian học sách

vở ngoại đạo. Trong những trường hợp này đều không phạm.

28) Giới chuyên học sách vở thế gian:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, không chịu giữ gìn giới pháp Bồ tát, đối với sách vở thế gian, cùng tà luận của ngoại đạo, nghiên cứu tinh tường, trong lòng cảm thấy thích thú, tham đắm, không coi đó như cặn bã, hoặc chất độc, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô.

29) Giới nghe giáo pháp thâm sâu sinh tâm hủy báng:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, đối với nghĩa lý chân thực, thâm sâu, cực kỳ thâm sâu, lại nghe chư Phật, Bồ tát có

thần lực không thể nghĩ bàn, đã không sinh khởi lòng tin, ngược lại còn sinh tâm hủy báng: "Những điều này không đưa đến sự lợi ích, không đưa đến chính pháp, không phải do đức Như Lai nói ra, không thể lợi ích an lạc cho chúng sanh", đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô. Những sự việc hủy báng vừa nói trên là do kiến giải sai lầm của chính mình, hoặc do kẻ khác xúi dục mà phát sanh.

Những trường hợp không phạm, như: Bồ tát thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, nghe giáo pháp thâm sâu, cực kỳ thâm sâu, không tin không hiểu, lúc đó Bồ tát nên miễn cưỡng tin nhận, tâm không gian dối, tự nhủ như thế này:

"Tôi thật không có thiện căn, đui mù không có mắt trí tuệ, đối với đức Như Lai là bậc đầy đủ tuệ nhãn, tùy theo căn cơ chúng sanh mà giảng nói, đối với những lời pháp khó hiểu khó dò của đức Như Lai mà dám sanh tâm hủy báng!" Bồ tát phải tự ý thức sự "vô tri" của mình như vậy, đề cao đức Như Lai là bậc đối với Phật pháp, không chỗ nào không biết, không chỗ nào không thấy, bình đẳng tùy thuận chúng sanh mà hiện thân thuyết pháp. Bồ tát nếu có thái độ chân chánh như vậy, tuy không hiểu không tin, vẫn không phạm vào học xứ của Bồ tát.

30) Giới khen mình chê người:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, ở trước đám

đông, hoặc do tâm tham, hoặc do tâm sân, tự khen ngợi mình, hoặc hủy báng người khác, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc muốn hàng phục ngoại đạo; hoặc muốn trụ trì chánh pháp của đức Như Lai; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, giống như phần trên đã nói qua; hoặc muốn làm cho kẻ chưa có lòng tin phát khởi lòng tin thanh tịnh, kẻ đã có lòng tin thanh tịnh làm cho tăng trưởng.

31) Giới kiêu mạn không đi nghe pháp:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, nghe có chỗ

giảng nói, thảo luận chánh pháp, hoặc vì kiêu mạn, hoặc vì giận dữ, hoặc vì buồn bực, không chịu đi nghe, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu vì lười biếng, nhút nhát mà không đi nghe, thì gọi là phạm do tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc không biết; hoặc đang có bệnh; hoặc không sức lực; hoặc biết người giảng pháp bàn chuyện điên đảo; hoặc muốn giữ ý cho họ; hoặc đã hiểu rõ ý nghĩa mà họ muốn nói; hoặc đã nhiều lần nghe qua, thọ trì, thấu suốt; hoặc nghe nhiều học rộng, hiểu rõ Phật pháp; hoặc đang trụ tâm một cảnh, không muốn bị gián đoạn; hoặc

đang siêng năng tu tập thiền định; hoặc căn tính ngu độn, đối với Phật pháp không thể thu thập, không thể hành trì, không thể làm cho tâm định. Trong những trường hợp này, không đi nghe pháp không phạm.

32) Giới khinh mạn hủy báng pháp sư:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, đối với pháp sư, cố ý khinh mạn, hủy báng, không khởi tâm kính trọng, cười nhạo chê bai: "Chỉ biết chấp vào mặt chữ, không hiểu nghĩa lý", đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô.

33) Giới không làm bạn giúp đỡ:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, thấy chúng sanh đang công tác, vì tâm hiềm hận, giận dữ, không đến giúp đỡ những công việc mà mình có thể kham nhiệm, chẳng hạn: hoặc cùng nhau đi trên một lộ trình; hoặc trừ hoạch công tác; hoặc quản lý tài sản; hoặc giải hòa việc đấu tranh kiện tụng; hoặc trong những buổi hội vui; hoặc trong những công việc làm phúc, không chịu giúp đỡ họ, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu vì lười biếng, nhút nhát mà không giúp đỡ, thì gọi là phạm do tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc đang có bệnh, hoặc

không sức lực, hoặc biết đối phương có thể tự lo lấy; hoặc biết đối phương có chỗ nhờ cậy; hoặc biết việc làm của họ là phi nghĩa, phi pháp; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, giống như phần trên đã nói qua; hoặc trước đó đã hứa giúp người khác; hoặc đã nhờ kẻ khác giúp đỡ họ; hoặc đang siêng năng tu tập pháp lành không muốn tạm gián đoạn; hoặc căn tính ám độn, đối với pháp đã nghe, đang gặp chướng ngại trong việc thọ nhận, hành trì, giống như phần trên đã nói qua; hoặc muốn giữ ý cho đám đông; hoặc tuân theo lời huấn dụ của chúng Tăng. Trong những trường hợp này, không giúp đỡ không phạm.

34) Giới không đến chăm sóc người bệnh:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, gặp người đang bị bệnh nặng, hoặc vì oán hận, hoặc vì hèn dỗi mà không đến chăm sóc, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu vì lười biếng nhút nhát mà không chịu đến chăm sóc, thì gọi là phạm do tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc đang có bệnh; hoặc không sức lực; hoặc đã nhờ người khác chăm sóc; hoặc biết người bệnh có người chăm sóc; hoặc biết người bệnh còn sức lực, có thể tự chăm sóc; hoặc biết người bệnh bị bệnh kinh niên, có thể tự chịu đựng; hoặc đang siêng năng tu tập pháp

lành thù thắng rộng lớn; hoặc muốn giữ cho công phu tu tập không bị gián đoạn, hoặc căn tính ngu độn, đối với pháp học, đang gặp chướng ngại trong việc thọ trì, không thể nhiếp tâm tu định; hoặc trước đó đã hứa chăm sóc người bệnh khác. Trong những trường hợp này, không đến chăm sóc không phạm. Trường hợp gặp người nghèo khổ, cũng tương tự như vậy.

35) Giới thấy kẻ khác làm việc phi lý mà không can gián:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, thấy có chúng sanh vì tham lợi đời này hoặc đời sau mà làm những việc phi lý, vì tâm hiềm hận, hoặc giận dữ, không chịu nói cho họ biết lẽ phải, đây gọi là

phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu vì lười biếng nhút nhát mà không nói, thì gọi là phạm do tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc không biết; hoặc không sức lực; hoặc đã nhờ người khác nói cho họ biết; hoặc đối phương là người có đủ trí tuệ, có thể tự sửa đổi; hoặc đối phương có bạn lành khuyên răn nhắc nhở; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, giống như phần trên đã nói; hoặc biết nếu nói lẽ phải, đối phương sẽ khởi tâm hiềm hận, chửi rủa; hoặc biết đối phương sẽ hiểu sai lệch ý nghĩa của mình; hoặc biết đối phương đối với mình không có tâm ưa thích kính trọng;

hoặc biết đối phương tính tình ương ngạnh, không biết phục thiện. Trong những trường hợp này, không nói không phạm.

36) Giới không biết báo ơn:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, đối với chúng sinh có ơn với mình, không biết, không hiểu ân huệ của họ, ôm lòng hiềm hận, không chịu trong hiện đời tìm cách báo ơn đúng phép, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu vì lười biếng, nhút nhát mà không báo ơn, đây gọi là phạm do tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc tuy đã tìm đủ mọi

cách, song vẫn không đủ khả năng để báo đáp lại; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, giống như phần trên đã nói qua; hoặc muốn báo ơn mà đối phương không nhận. Trong những trường hợp này đều không phạm.

37) Giới không an ủi người sầu khổ:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, thấy có chúng sanh sầu não vì đang bị rơi vào cảnh khổ như mất mát tiền của, xa lìa người thân, hoặc đang thất nghiệp, vì lòng hiềm hận, không chịu đến tìm cách an ủi, giúp đỡ họ, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu vì lười biếng, nhút nhát mà không đến an ủi giúp

đỡ, đây gọi là phạm do tâm không
nhiễm ô.

Những trường hợp không
phạm, như trong điều giới "Không
làm bạn giúp đỡ" đã nói qua.

38) Giới không bố thí của cải:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi
thanh tịnh của Bồ tát, có sẵn thức
ăn, vật dụng, ..., thấy có chúng sanh
đến cầu xin, vì lòng hiềm hận, giận
dỗi mà không chịu bố thí cho họ,
đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ
tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu vì
lười biếng, nhút nhát, buông lung
mà không bố thí, thì gọi là phạm do
tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc hiện tại không có của cải, vật dụng để bố thí; hoặc đối phương đòi hỏi những vật phi pháp, hoặc những vật không thích nghi; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, giống như phần trên đã nói qua; hoặc kể đến xin là kẻ phạm pháp, vì muốn tuân theo lời huấn dụ của chúng Tăng, cho nên không bố thí. Trong những trường hợp này đều không phạm.

39) Giới không lo lắng cho đệ tử đúng phép:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, chăm sóc đệ tử, vì lòng hiềm hận, không chịu tùy thời mà dạy dỗ cho họ chính pháp, hoặc khuyên răn họ. Biết đệ tử đang thiếu thốn, thế nhưng không vì họ

mà đến các tín đồ để quyên góp thực phẩm, quần áo, thuốc men, cùng các vật dụng cần thiết để cung cấp cho họ, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu vì lười biếng, nhút nhát, buông lung mà không chịu dạy bảo, khuyên răn, không chịu cung cấp đồ dùng cần thiết cho họ, đây gọi là phạm do tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đệ tử, giống như phần trên đã nói; hoặc tuân theo lời huấn dụ của chúng Tăng; hoặc đang có bệnh; hoặc không sức lực; hoặc đã nhờ người khác dạy bảo, chăm sóc; hoặc biết đệ tử là người có phước báo lớn, có

thể tự cầu xin thực phẩm, quần áo, ...; hoặc đã chỉ bảo tất cả những điều cần phải chỉ bảo; hoặc biết đối phương vốn là ngoại đạo, lẫn lộn vào đám đệ tử để nghe trộm pháp, bốn tính khó dạy khó bảo. Trong những trường hợp này, không dạy bảo, cung cấp đều không phạm.

40) Giới không tùy thuận chúng sanh:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, vì lòng hiềm hận, không chịu tùy thuận người khác, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu vì lười biếng, nhút nhát, buông lung mà không tùy thuận, thì gọi là phạm do tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc đối phương muốn làm những việc phi pháp; hoặc đang có bệnh; hoặc không sức lực; hoặc tuân theo lời huấn dụ của chúng Tăng; hoặc việc họ muốn làm tuy hợp nghi, song nhiều người khác lại không chấp nhận; hoặc muốn hàng phục ngoại đạo tà ác; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, giống như phần trên đã nói. Trong những trường hợp này đều không phạm.

41) Giới không tùy hỷ công đức của người khác:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, ôm lòng hiềm hận, thấy người khác thực sự có đức hạnh mà không chịu đề cao, thấy người khác thực sự có tiếng đồn tốt

mà không chịu ca tụng, thấy người khác thực sự nói lời hay đẹp mà không chịu khen ngợi, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu vì lười biếng, nhút nhát mà không đề cao, ca tụng, khen ngợi, yhi gọi là phạm do tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc biết đối phương là người không thích được khen, vì muốn giữ ý cho họ nên không khen; hoặc đang có bệnh; hoặc không sức lực; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, giống như phần trên đã nói; hoặc tuân theo lời huấn dụ của chúng Tăng; hoặc biết nếu đề cao, ca tụng, khen ngợi, sẽ làm cho đối phương sanh

tâm kiêu mạn, hoặc các tính xấu khác, vì muốn đề phòng những việc như vậy nên không đề cao, ...; hoặc biết việc làm của đối phương hình như có công đức, nhưng thật không phải công đức, hoặc tiếng đồn của họ hình như là tốt nhưng thực sự không phải tốt, hoặc lời nói của họ nghe có vẻ hay đẹp nhưng thực sự không phải hay đẹp; hoặc vì muốn hàng phục ngoại đạo; hoặc đang đợi cho đối phương hoàn tất công việc của họ trước khi đề cao, ca tụng, khen ngợi. Trong những trường hợp này đều không phạm.

42) Giới không chịu quả trách, chiết phục:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, thấy có chúng sanh cần phải quả trách, cần phải trị

phạt, cần phải trục xuất, song vì tâm thiên vị, không chịu quở trách, hoặc tuy quở trách, song không trị phạt, hoặc tuy trị phạt, song không trục xuất, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm nhiễm ô; nếu vì lời biếng, nhút nhát, buông lung mà không chịu quở trách, trị phạt, trục xuất, thì gọi là phạm do tâm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc biết đối phương không thể sửa đổi, nói không chịu nghe, ưa nói lời thô tục, tính hay hiểm thù; hoặc đang chờ cơ hội thích hợp; hoặc biết những sự việc này sẽ đưa đến sự đấu tranh, kiện tụng; hoặc biết do đây sẽ làm náo loạn, hoặc sẽ đưa đến sự tan vỡ của

Tăng đoàn; hoặc biết đối phương tính tình không gian dối, có tâm hổ thẹn, biết tự mình sửa đổi mau chóng, cho nên không quở trách, trị phạt. Trong những trường hợp này đều không phạm.

43) Giới không dùng thần thông điều phục, dẫn dắt:

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, thành tựu các loại thần thông biến hiện, đối với các chúng sanh cần phải dùng sự khủng bố để cải đổi họ thì phải nên khủng bố, cần phải dùng phương pháp dẫn dụ để cải đổi họ thì phải nên dẫn dụ, thế nhưng Bồ tát không muốn nhân vì dùng thần lực thí chủ sẽ cúng dường mình nhiều hơn, cho nên không dùng thần lực để hàng

phục, dẫn dắt đối phương, đây gọi là phạm vào học xứ của Bồ tát, phạm do tâm không nhiếp ô.

Những trường hợp không phạm, như: hoặc biết đối phương là kẻ chấp trước vào pháp tà thuật; hoặc sợ nhân đây ngoại đạo sẽ hủy báng Phật pháp, tăng trưởng tà kiến, cho nên không hiện thần thông để nhiếp phục đối phương. Trong những trường hợp này đều không phạm.

Lại nữa, trong tất cả các trường hợp đều không phạm, nếu: hoặc thần kinh hoàn toàn thác loạn; hoặc bị sự khổ não bức bách đến cực điểm; hoặc chưa hề thọ qua giới luật của Bồ tát.

Nếu như Bồ tát, có tâm thanh tịnh muốn cầu học, hoặc có tâm mong cầu Vô thượng Bồ đề, hoặc có tâm muốn lợi ích tất cả chúng sanh, từ bậc thiện tri thức chính thức thọ giới luật nghi xong, đối với giới luật của Bồ tát phải nên khởi tâm cực kỳ cung kính tôn trọng, từ lúc bắt đầu phải cần tinh tiến tu tập, nhất quyết không nên vi phạm. Giả như đã lỡ vi phạm giới pháp, phải nên mau chóng sám hối, cầu mong tội chướng tiêu trừ, khôi phục sự thanh tịnh.

Nên biết tất cả sự vi phạm giới luật nghi của Bồ tát đều nhiếp vào tội ác tác, phải nên đối trước một vị thiện tri thức, hoặc Đại thừa, hoặc

Tiểu thừa, kẻ có thể hiểu rõ, chấp nhận sự sám hối của Bồ tát, mà cầu xin sám hối trừ diệt tội phạm giới.

Nếu như Bồ tát dùng tâm phiền não bậc thượng hủy phạm pháp tha thắng xứ, sẽ mất giới thể luật nghi, cần phải thọ lại.

Nếu như Bồ tát dùng tâm phiền não bậc trung hủy phạm pháp tha thắng xứ, phải nên đối trước ba vị, hoặc hơn ba vị thiện tri thức, hoặc nhiều hơn số trên mà phát lộ trừ diệt tội ác tác. Trước tiên nên nói tên điều giới mình đã phạm, kể đến nên tác bạch như sau: "Chư vị Trưởng lão (hoặc Đại đức) lắng nghe, con là Bồ tát, vi phạm Tỳ nại da của Bồ tát, như vừa mới xưng

tên ở trên, phạm tội ác tác," Phần còn lại giống như pháp sám hối tội ác tác của tỳ kheo.

Nếu Bồ tát dùng tâm phiền não bậc hạ hủy phạm pháp tha thắng xứ, hoặc trong trường hợp phạm các học xứ khác, phải nên đối trước một vị thiện tri thức, phát lộ sám hối giống như trên. Nếu như hiện tiền không có thiện tri thức để sám hối, thì nên dùng pháp "tâm niệm sám hối" cũng có thể trừ diệt tội chướng. Lúc đó, Bồ tát nên đem tâm thanh tịnh, phát lời thệ nguyện trước Tam Bảo như sau: "Con thệ nguyện giữ gìn giới luật, quyết định trong tương lai sẽ không tái phạm." Nếu được như vậy, đối với những điều giới đã

phạm, có thể khôi phục sự thanh tịnh.

Lại nữa, những học xứ của Bồ tát vừa nói trên, rải rác trong tạng Kinh, đức Thế Tôn thường tùy căn cơ của chúng sanh mà giảng nói, nghĩa là: giới luật nghi, giới nhiếp thiện pháp, và giới nhiếp hữu tình. Nay trong tạng Ma đặc lạc già của Bồ tát này, tập hợp lại một cách điều lý, rõ ràng. Bồ tát đối với giới pháp này phải nên khởi tâm tôn trọng, đem thái độ cực kỳ cung kính mà siêng cần học tập.